

Số: 55/QĐ-UBND

Dương Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của phường Dương Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 423/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 430/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố về nhiệm vụ trọng tâm, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường Dương Nội về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh,

quốc phòng 6 tháng cuối năm 2025; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường Dương Nội về phê chuẩn dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 08 /TTr-KTHTĐT ngày 22/7/2025 về đề nghị giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của phường Dương Nội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các phòng, ban, đơn vị thuộc phường (theo các biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của phường, các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách được giao, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

### 1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, đề ra các giải pháp để đơn đốc, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội của UBND phường đã đề ra.

- Các đơn vị cập nhật định kỳ kết quả thực hiện chỉ tiêu theo lĩnh vực được giao quản lý. Thường xuyên đơn đốc thực hiện và báo cáo kết quả hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2025 gửi phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị để tổng hợp báo cáo UBND phường.

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì, căn cứ chỉ đạo của UBND Thành phố tham mưu cho UBND phường ban hành Chương trình hành động triển khai nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2025.

### 2. Triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Các phòng, ban, đơn vị, thuộc phường thực hiện nghiêm túc các nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành ngân sách; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm soát quyền lực gắn với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội, Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Công điện số 125/CD-TTg ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 16/8/2024 của UBND Thành phố Hà Nội...

#### 2.1. Về thu ngân sách nhà nước

- Thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN theo Quyết định của UBND Thành phố. Tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu chuyển giá trốn thuế; quản lý hiệu quả các nguồn thu ngân sách từ

các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; kinh doanh qua mạng; tập trung quản lý đối với chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN.

- Quản lý chặt chẽ và đôn đốc các hộ đăng ký kinh doanh trên địa bàn nộp các sắc thuế theo quy định.

- Tăng cường quản lý quỹ đất công ích và tổ chức đấu giá các quỹ đất công ích trên địa bàn theo quy định để tạo nguồn thu ngân sách

- Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phối hợp với các Sở, ban, ngành thành phố tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai.

- Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng và sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý (nhất là đối với các công trình công sở, trụ sở, tài sản công khác sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính), đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức; thực hiện việc khai thác tài sản công và sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật.

## 2.2. Về chi ngân sách nhà nước

- Các phòng, ban, đơn vị thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Tiếp tục tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo an sinh xã hội và các cân đối lớn.

- Giao dự toán chi đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo không thấp hơn chi tiêu UBND Thành phố giao; bố trí dự phòng ngân sách không thấp hơn mức dự phòng được cấp trên giao; phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước đảm bảo nguyên tắc chi ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhiệm vụ thực tế và chế độ, chính sách hiện hành.

- Ngân sách đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp và các chế độ, chính sách đã được Trung ương và Thành phố ban hành, chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng tăng thêm trong năm 2025 như tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, triển khai các cơ chế, chính sách của Luật Thủ đô..., bảo đảm nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách tiền lương (bao gồm quỹ tiền thưởng); đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước theo quy định. Các phòng, ban, đơn vị thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết...

- Thực hiện quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư công đảm bảo hiệu quả, tránh dàn trải. Đẩy nhanh tiến độ công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.



- Rà soát các dự án đầu tư chậm tiến độ, tháo gỡ khó khăn, hoàn thành đưa dự án vào sử dụng hiệu quả. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được giao.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác quản lý tài sản nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đang được giao quản lý, sử dụng theo quy định đảm bảo việc sử dụng nhà, đất, tài sản công đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các phòng, ban, đơn vị, tiếp tục quán triệt thực hiện năm “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển*” và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2025 đã được UBND phường giao.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước; báo cáo UBND phường có biện pháp cụ thể đối với các đơn vị không thực hiện đúng các nguyên tắc HĐND phường đã thông qua và UBND phường quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *[Signature]*

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính;
- TT ĐU; HĐND-UBND phường;
- Lưu: VT.

để  
báo  
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phùng Chí Tâm**

**BIỂU TỔNG HỢP GIAO DƯ TOÁN NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**  
(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 23/7/2023 của UBND phường Dương Nội)

| TT  | Tên đơn vị                 | TỔNG DƯ TOÁN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO | TỔNG DƯ TOÁN GIAO | Trưng cầu            |                |                |                |                                |                |                                            |                                            |                                       |                                                   |               | Kính phí dự toán 8 tháng năm học 2024-2025 | Dự ứng                                                                      |                           |                     |
|-----|----------------------------|------------------------------------------|-------------------|----------------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |                            |                                          |                   | Kính phí giao tự chủ | Trưng cầu      |                | Người CCTL     | Trưng cầu                      |                |                                            |                                            | Người Kinh phí khác                   |                                                   |               |                                            | Dự toán tạm giao kính phí dự toán 8 tháng cuối năm 2025 người (Chưa đổi NS) | Người ngân sách quận 2025 | Người CCTL của quận |
|     |                            |                                          |                   |                      | Quỹ đầu tư     | Chi khác       |                | Nhu cầu CCTL (giao từ đầu năm) | 10% Quỹ đầu tư | Thu nhập tăng thêm theo PQ 66/2015/PQ HĐND | Cấp bù học phí theo NDH 119/3 xuất và THCS | Hỗ trợ học bổng học sinh 111 (cả mới) | Bổ sung KP hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa |               |                                            |                                                                             |                           |                     |
|     |                            |                                          |                   |                      |                |                |                |                                |                |                                            |                                            |                                       |                                                   |               |                                            |                                                                             |                           |                     |
|     |                            |                                          |                   |                      |                |                |                |                                |                |                                            |                                            |                                       |                                                   |               |                                            |                                                                             |                           |                     |
| A   | B                          | C                                        | D=3+5+10+11       | E                    | F              | G=7+8+9+10     | H              | I                              | J              | K                                          | L                                          | M                                     | N                                                 | O             | P                                          |                                                                             |                           |                     |
|     | SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC         | 141,264,024,537                          | 125,998,572,957   | 76,701,697,000       | 59,757,025,000 | 16,944,672,000 | 43,688,221,325 | 32,688,166,300                 | 6,148,493,025  | -                                          | 4,851,562,000                              | 339,315,000                           | 16,825,000                                        | 5,252,514,632 | 15,265,451,580                             | 11,290,376,580                                                              | 3,975,075,000             |                     |
| I   | KHỐI MẦM NON               | 42,042,065,179                           | 36,321,891,593    | 20,947,769,000       | 16,791,977,000 | 4,155,792,000  | 13,157,041,060 | 9,210,776,300                  | 1,792,942,760  | -                                          | 2,153,322,000                              | 339,315,000                           | 800,000                                           | 1,876,966,533 | 5,720,173,586                              | 4,137,863,586                                                               | 1,582,310,000             |                     |
| 1   | Mầm non Dương Nội          | 6,740,212,340                            | 6,740,212,340     | 4,127,536,000        | 3,614,877,000  | 512,659,000    | 2,422,870,340  | 1,883,000,000                  | 306,905,340    |                                            | 232,965,000                                | 189,806,000                           |                                                   |               | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 2   | Mầm non Hoàng Hành         | 4,910,436,240                            | 4,910,436,240     | 3,244,539,000        | 2,776,138,000  | 468,401,000    | 1,665,897,240  | 1,306,452,900                  | 233,894,340    |                                            | 125,550,000                                | -                                     |                                                   | -             |                                            |                                                                             |                           |                     |
| 3   | Mầm non Kim Đồng           | 4,252,543,380                            | 4,252,543,380     | 2,896,713,000        | 2,191,754,000  | 704,959,000    | 1,355,830,380  | 1,001,466,300                  | 174,409,080    |                                            | 179,955,000                                | -                                     |                                                   | -             |                                            |                                                                             |                           |                     |
| 4   | Mầm non La Dương           | 4,592,948,680                            | 4,592,948,680     | 2,796,959,000        | 2,212,937,000  | 584,022,000    | 1,645,680,680  | 1,355,773,100                  | 181,097,580    |                                            | 108,810,000                                | 149,509,000                           | 800,000                                           |               | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 5   | Mầm non Lê Quý Đôn         | 5,429,193,760                            | 5,429,193,760     | 3,561,826,000        | 2,631,777,000  | 930,049,000    | 1,867,367,760  | 1,367,304,800                  | 236,407,960    |                                            | 263,655,000                                | -                                     |                                                   |               | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 6   | Mầm non Sơn Hồng (ĐH)      | 9,537,204,719                            | 3,817,031,133     | -                    | -              | -              | 1,940,064,600  | 580,459,800                    | 361,342,800    |                                            | 998,262,000                                |                                       |                                                   | 1,876,966,533 | 5,720,173,586                              | 4,137,863,586                                                               | 1,582,310,000             |                     |
| 7   | Mầm non Trần Quốc Toản     | 6,579,526,060                            | 6,579,526,060     | 4,320,196,000        | 3,364,494,000  | 955,702,000    | 2,259,330,060  | 1,716,319,400                  | 298,883,660    |                                            | 244,125,000                                | -                                     |                                                   | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| II  | KHỐI TIỂU HỌC              | 63,514,505,174                           | 53,969,227,180    | 32,831,214,000       | 23,727,651,000 | 9,103,563,000  | 17,762,465,081 | 15,204,335,600                 | 2,558,129,481  | -                                          | -                                          | -                                     | -                                                 | 3,375,548,099 | 9,545,277,994                              | 7,152,512,994                                                               | 2,392,765,000             |                     |
| 1   | Trường TH An Hưng          | 14,662,703,800                           | 14,662,703,800    | 9,692,825,000        | 7,370,960,000  | 2,321,865,000  | 4,969,878,800  | 4,326,933,400                  | 642,945,400    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | -             | -                                          | -                                                                           | -                         |                     |
| 2   | Trường TH Dương Nội A (ĐH) | 6,864,563,605                            | 2,469,151,296     | -                    | -              | -              | 938,921,680    | 696,722,400                    | 242,199,280    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | 1,530,229,616 | 4,395,412,309                              | 3,267,449,309                                                               | 1,127,963,000             |                     |
| 3   | Trường TH Dương Nội B (ĐH) | 7,884,576,269                            | 2,734,710,584     | -                    | -              | -              | 889,392,101    | 658,607,200                    | 230,784,901    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | 1,845,318,483 | 5,149,865,685                              | 3,885,063,685                                                               | 1,264,802,000             |                     |
| 4   | Trường TH Kim Đồng         | 8,724,700,200                            | 8,724,700,200     | 5,704,484,000        | 4,308,719,000  | 1,395,765,000  | 3,020,216,200  | 2,649,068,600                  | 371,147,600    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 5   | Trường TH Lê Quý Đôn       | 12,807,418,000                           | 12,807,418,000    | 9,001,027,000        | 5,746,447,000  | 3,254,580,000  | 3,806,391,000  | 3,278,174,000                  | 528,217,000    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 6   | Trường TH Trần Quốc Toản   | 12,570,543,300                           | 12,570,543,300    | 8,432,878,000        | 6,301,525,000  | 2,131,353,000  | 4,137,665,300  | 3,594,830,000                  | 542,835,300    |                                            | -                                          | -                                     |                                                   | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| III | KHỐI THCS                  | 35,707,454,184                           | 35,707,454,184    | 22,922,714,000       | 19,237,397,000 | 3,685,317,000  | 12,768,715,184 | 8,273,054,400                  | 1,797,420,784  | -                                          | 2,698,240,000                              | -                                     | 16,025,000                                        | -             | -                                          | -                                                                           | -                         |                     |
| 3   | THCS Dương Nội             | 14,373,500,524                           | 14,373,500,524    | 9,616,746,000        | 7,869,777,000  | 1,746,969,000  | 4,747,604,524  | 2,867,804,000                  | 600,740,524    |                                            | 1,279,060,000                              |                                       | 9,150,000                                         | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |
| 7   | THCS Lê Quý Đôn            | 21,333,953,660                           | 21,333,953,660    | 13,305,968,000       | 11,367,620,000 | 1,938,348,000  | 8,021,110,660  | 5,405,250,400                  | 1,196,680,260  |                                            | 1,419,180,000                              |                                       | 6,875,000                                         | -             | -                                          |                                                                             |                           |                     |

11/11